

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỒN

TỔ LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ

MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ 6

(Từ ngày 04/9/2023 đến ngày 09/9/2023)

TUẦN 1: PHÂN MÔN LỊCH SỬ

TIẾT 1

CHƯƠNG 1: TẠI SAO CẦN HỌC LỊCH SỬ

BÀI 1: LỊCH SỬ LÀ GÌ?

A. LÝ THUYẾT

I. Lịch sử và môn lịch sử:

- Lịch sử là tất cả những gì đã xảy ra trong quá khứ, bao gồm mọi hoạt động của con người từ khi xuất hiện đến nay.
- Môn lịch sử là môn khoa học tìm hiểu về lịch sử loài người, bao gồm toàn bộ hoạt động của con người và xã hội loài người trong quá khứ.

II. Vì sao phải học lịch sử ?

- Học lịch sử để biết được cội nguồn của tổ tiên, quê hương, đất nước, hiểu được ông cha ta đã phải lao động, sáng tạo, đấu tranh như thế nào để có được đất nước như ngày nay.
- Học lịch sử để đúc kết những bài học kinh nghiệm của quá khứ nhằm phục vụ cho hiện tại và tương lai.

III. Khám phá quá khứ từ các nguồn tư liệu

- Tư liệu gốc: Là tư liệu liên quan đến trực tiếp đến sự kiện lịch sử, ra đời vào thời điểm diễn ra sự kiện.
- Tư liệu truyền miệng gồm truyền thuyết, dân ca, thần thoại... được truyền miệng qua nhiều đời.
- Tư liệu chữ viết: bao gồm các bản chép tay hay in trên giấy, viết trên mai rùa hay vỏ cây...
- Tư liệu hiện vật là những dấu tích của người xưa còn giữ được trong lòng đất như công trình kiến trúc, đồ gốm, tác phẩm nghệ thuật

B. VÍ DỤ

C. BÀI TẬP ÁP DỤNG:

Luyện tập

Phần 1: Trắc nghiệm: Chọn đáp án đúng

Câu 1. Lịch sử là những gì?

- A. Đang diễn ra.
- B. Đã diễn ra trong quá khứ.
- C. Chưa diễn ra.
- D. Đã và đang diễn ra.

Câu 2. Đèn Hùng là tư liệu?

- A. Chữ viết.
- B. Truyền miệng.
- C. Hiện vật.
- D. Thành văn.

Câu 3. Các truyền thuyết như Con Rồng cháu Tiên, Thánh Gióng, Sơn Tinh, Thủy Tinh... thuộc loại hình tư liệu?

- A. Hiện vật.
- B. Truyền miệng.
- C. Chữ viết.
- D. Gốc.

Câu 4. Các tác phẩm như Đại Việt sử kí, Đại Việt sử kí toàn thư, Khâm định Việt thông giám cương mục" thuộc tư liệu?

- A. Hiện vật.
- B. Truyền miệng.
- C. Chữ viết.
- D. Quốc gia.

Câu 5. Bia đá trong Văn Miếu Quốc tử giám thuộc loại hình tư liệu lịch sử nào?

- A. Tư liệu truyền miệng.
- B. Tư liệu hiện vật.
- C. Tư liệu chữ viết.
- D. Không được coi là một tư liệu.

Câu 6: Nối hai cột dữ liệu bên dưới để miêu tả được đặc điểm của các nguồn sử liệu:

1. Tư liệu gốc	A. Bao gồm các bản chữ khắc trên xương, mai rùa, vỏ cây, đá, các bản chép tay hay in trên giấy,...ghi chép tương đối đầy đủ mọi mặt đời sống con người và các sự kiện lịch sử đã xảy ra.
2. Tư liệu truyền miệng	B. Gồm nhiều thể loại như truyền thuyết, thần thoại, ca dao, dân ca,.. được truyền từ đời này qua đời khác.
3. Tư liệu chữ viết	C. Những dấu tích vật chất của người xưa còn giữ được trong lòng đất hay trên mặt đất như các công trình kiến trúc, các tác phẩm nghệ thuật, đồ gốm,...
4. Tư liệu hiện vật	D. Đây là nguồn sử liệu có giá trị lịch sử xác thực nhất vì nó là nguồn tư liệu liên quan trực tiếp đến sự kiện lịch sử ra đời vào thời điểm diễn ra sự kiện, phản ánh sự kiện lịch

Phần II: Vận dụng

Hãy viết một đoạn văn ngắn về lịch sử ngôi trường em đang học (trường được thành lập khi nào? Nó thay đổi như thế nào qua thời gian?...)

- Học sinh tự viết, GV đánh giá.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

D. DẶN DÒ

- Học thuộc lòng lí thuyết bài 1
- Làm bài tập luyện tập và vận dụng
- Đọc trước nội dung bài 2: THỜI GIAN TRONG LỊCH SỬ

TIẾT 2

BÀI 2: THỜI GIAN TRONG LỊCH SỬ

A. LÝ THUYẾT

I. Âm lịch và Dương lịch:

- Dựa vào quan sát và tính toán, người xưa đã phát hiện quy luật di chuyển của Mặt Trăng, Trái Đất, Mặt Trời để tính thời gian và làm ra lịch.
- Âm lịch: được tính theo chu kì chuyển động của Mặt Trăng quay quanh Trái Đất.
- Dương lịch: được tính theo chu kì chuyển động của Trái Đất quay quanh Mặt Trời.

II. Cách tính thời gian:

- Lịch chính thức của thế giới hiện nay dựa theo cách tính thời gian của dương lịch, gọi là Công lịch.

- Công lịch lấy năm 1 là năm tương truyền Chúa Giê-xu ra đời làm năm đầu tiên của Công nguyên.
- Một thập kỉ là 10 năm.
- Một thế kỉ là 100 năm.
- Một thiên niên kỉ là 1000 năm

B. VÍ DỤ

C. BÀI TẬP ÁP DỤNG

Luyện tập.

Phần 1: Trắc nghiệm: Chọn đáp án đúng

1. Lịch chính thức của thế giới hiện nay dựa theo cách tính thời gian của?

- | | |
|----------------|-------------------|
| A. Âm lịch. | C. Bát quái lịch. |
| B. Dương lịch. | D. Ngũ hành lịch. |

2. Năm đầu tiên của Công nguyên được lấy theo năm ra đời của nhân vật lịch sử nào?

- | | |
|--------------------------------------|--------------------|
| A. Đức Phật Thích Ca. | C. Chúa Giê-su. |
| B. A-lếch-xan-đơ (Alexander) Đại đế. | D. Tần Thủy Hoàng. |

3. Trước Công nguyên được tính từ khoảng thời gian nào?

- | | |
|---------------------------|---------------------------|
| A. Từ năm 0 Công lịch. | C. Trước năm 1 Công lịch. |
| B. Trước năm 0 Công lịch. | D. Sau năm 1 Công lịch. |

4. Một thế kỉ có bao nhiêu năm?

- | | |
|-------------|----------------|
| A. 10 năm. | C. 1000 năm. |
| B. 100 năm. | D. 10 000 năm. |

Đáp án: B

5. Em hãy tính các mốc thời gian sau:

- + Tính từ năm 179 TCN đến năm 2022 là:năm, hơn thập kỉ, hơn thế kỉ.
- + Tính từ năm 111 TCN đến năm 2022 là:năm, hơn thập kỉ, hơn thế kỉ.
- + Tính từ năm 1 đến năm 2022 là: năm, hơn.....thập kỉ, hơnthế kỉ.
- + Tính từ năm 544 đến năm 2022 là: năm, hơn thập kỉ, hơnthế kỉ.
- + Tính từ năm 938 đến năm 2022 là: năm, hơn.....thập kỉ, hơn thế kỉ.

Đáp án: 1084 năm, hơn 108 thập kỉ, hơn 10 thế kỉ.

Phần II: Vận dụng

Hãy xây dựng trục thời gian những sự kiện quan trọng của cá nhân em. Ví dụ: năm sinh, năm vào mẫu giáo, năm vào lớp 1, năm vào lớp 6,....

HS tự làm.....
.....
.....

D. DẶN DÒ

- Học thuộc lòng lí thuyết bài 2
- Làm bài tập luyện tập và vận dụng
- Đọc trước nội dung bài 3: NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI

TIẾT 3

CHƯƠNG 2: THỜI KÌ NGUYÊN THỦY

BÀI 3: NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI

A. LÝ THUYẾT

I. Quá trình tiến hoá từ Vượn thành Người

Trải qua 3 giai đoạn:

- + Vượn người: Cách đây khoảng từ 6 triệu đến 5 triệu năm.
- + Người tối cổ: khoảng 4 triệu năm trước.
- + Người tinh khôn: khoảng 150.000 năm trước.

II. Dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á:

- Người tối cổ xuất hiện sớm ở Đông Nam Á, dấu tích đầu tiên ở Gia-va (Indonesia)
 - Ở Việt Nam, người tối cổ xuất hiện ở An Khê (Gia Lai), Thẩm Khuyên – Thẩm Hai (Lạng Sơn), núi Đọ (Thanh Hoá), Xuân Lộc (Đồng Nai); sử dụng công cụ đá có ghè đẽo thô sơ.
- Đông Nam Á là một trong những chiếc nôi của loài người

B. VÍ DỤ

C. LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

Luyện tập

Phần I: Trắc nghiệm: Chọn đáp án đúng

Câu 1. Vượn người xuất hiện vào khoảng thời gian nào?

- A. Khoảng từ 6 triệu đến 5 triệu năm cách ngày nay.
- B. Khoảng từ 5 triệu đến 4 triệu năm cách ngày nay.
- C. Khoảng từ 4 triệu đến 3 triệu năm cách ngày nay.
- D. Khoảng từ 3 triệu đến 2 triệu năm cách ngày nay.

Câu 2. Người tối cổ xuất hiện sớm nhất ở đâu?

- A. Châu Á.
- B. Châu Âu.
- C. Châu Mỹ.
- D. Châu Phi.

Câu 3. Người tinh khôn xuất hiện vào khoảng thời gian nào?

- A. Khoảng 1 triệu năm trước.
- B. Khoảng 500 000 năm trước.
- C. Khoảng 150 000 năm trước.
- D. Khoảng 50 000 năm trước.

Câu 4. Người đứng thẳng (Homo Erectus) thuộc nhóm nào dưới đây?

- A. Vượn cổ.
- B. Người tối cổ.
- C. Người tinh khôn.
- D. Người thông minh.

Câu 5. Con số 1450 cm³ là thể tích não của loài người nào?

- A. Người tối cổ.
- B. Người đứng thẳng.
- C. Người tinh khôn.
- D. Người lùn.

Câu 6: Lập bảng thống kê các di tích của Người tối cổ ở Đông Nam Á theo nội dung sau: Tên quốc gia, tên địa điểm tìm thấy dấu tích của Người tối cổ.

Tên quốc gia	Địa điểm tìm thấy dấu tích Người tối cổ
Myanmar	<i>Pondaung</i>
Thái Lan	<i>Tham Lod</i>
Việt Nam	<i>Núi Đọ, An Khê, Xuân Lộc, Thẩm Khuyên, Thẩm Hai</i>
Indonesia	<i>Trinin, LiangBua</i>
Philippines	<i>TaBon</i>

Malaysia	Nia
----------	-----

Phần II: Vận dụng

Phần lớn người châu Phi có làn da đen, người châu Á có làn da vàng còn người châu Âu có làn da trắng, liệu họ có chung một nguồn gốc không?

.....

Gợi ý:

Châu Phi là nơi xuất hiện sớm nhất sau đó di cư qua các châu lục, mỗi châu lục có môi trường sống khác nhau nên cơ thể biến đổi thích nghi với môi trường . Môi trường là yếu tố quan trọng, là yếu tố quyết định đến quá trình tiến hóa. Nên con người trên trái đất con người đều có chung 1 nguồn gốc.

D. DẶN DÒ

- Học thuộc lòng lí thuyết bài 3
- Làm bài tập luyện tập và vận dụng
- Đọc trước nội dung phân môn Địa lí - bài mở đầu: TẠI SAO CẦN HỌC ĐỊA LÍ

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

GVBM: LÊ THANH TUYỀN

-SĐT: 0981979190